Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 25/07/2025 15:31:25 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước

Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021;

2. Thông tư số 23/2025/TT-BTC ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Thông tư sau:

Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;

Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước;

Thông tư số 23/2025/TT-BTC ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Thông tư nêu trên.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.[2]

---

[2] Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 72/2021/TT-BTC) có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước."

Thông tư số 23/2025/TT-BTC ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh, bao gồm: các khoản thu thuế, phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước (NSNN) và các khoản thu khác của NSNN.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Kho bạc Nhà nước (KBNN).

b) Cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan khác được Chính phủ, Bộ Tài chính giao nhiệm vụ tổ chức thu NSNN.

c) Các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (gọi chung là NHTM).

d) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác thuộc NSNN.

---

17 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư số 23/2025/TT-BTC) có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Kho bạc Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính."

đ) [3] *Các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.*

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. POS: Là tên viết tắt của thiết bị chấp nhận thẻ mà ngân hàng phát hành triển khai tại các điểm chấp nhận thanh toán.

2. TCS: Là tên viết tắt của chương trình ứng dụng thu theo dự án Hiện đại hóa thu NSNN của Bộ Tài chính tại các điểm thu của KBNN.

3. TCS – NHTM: Là tên viết tắt của chương trình ứng dụng thu tại ngân hàng phối hợp thu.

4. Người nộp NSNN: Là người nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của NSNN.

5. [4] *Kho bạc Nhà nước (sau đây viết tắt là KBNN) cấp tỉnh: là KBNN tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; KBNN cấp huyện là KBNN quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.*

6. Thời điểm "cut off time": Là thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán để đối chiếu số liệu thanh toán trong ngày giữa KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý thu ngân sách nhà nước

1. Việc tổ chức thu NSNN được thực hiện theo quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế và quy định khác của pháp luật về thu NSNN. Mọi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân, kể cả các tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào NSNN qua tài khoản của KBNN tại NHTM hoặc nộp trực tiếp vào KBNN theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; trường hợp không nộp hoặc chậm nộp mà không được pháp luật cho phép thì bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. [5] *Các khoản thu ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là NSNN) phải được nộp trực tiếp vào KBNN hoặc vào tài khoản của KBNN tại ngân hàng, trừ trường hợp cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu được trực tiếp thu NSNN theo quy định của pháp luật. Cơ quan thu, tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu NSNN có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thu NSNN vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.*

---

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Các khoản viện trợ bằng tiền thuộc nguồn thu NSNN được quản lý theo các điều ước, thỏa thuận quốc tế và các quy định của pháp luật về quản lý nguồn vốn viện trợ không hoàn lại.

3. Tất cả các khoản thu NSNN được hạch toán bằng đồng Việt Nam, chi tiết theo niên độ ngân sách, mục lục NSNN và được phân chia cho các cấp ngân sách theo tỷ lệ phần trăm (%) do cấp có thẩm quyền quy định. Các khoản thu NSNN bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ tại thời điểm hạch toán.

4. Việc hoàn trả các khoản thu NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư này. Quy trình thu, thủ tục thu, nộp, miễn, giảm, hoàn trả các khoản thu NSNN phải được thông báo và niêm yết công khai tại cơ quan thu và KBNN nơi giao dịch trực tiếp với người nộp NSNN.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHỐI HỢP THU VÀ ỦY NHIỆM THU, HÌNH THỨC VÀ CHỨNG TỪ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Phối hợp thu và ủy nhiệm thu ngân sách nhà nước

1. KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện tiếp tục thực hiện phối hợp thu và được ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt (kể cả thu phạt vi phạm hành chính) với NHTM nơi KBNN mở tài khoản (tài khoản thanh toán hoặc tài khoản chuyên thu) theo quy định tại Thông tư này và các thỏa thuận phối hợp thu NSNN giữa KBNN, Tổng cục Thuế/Tổng cục Hải quan và NHTM. Cụ thể:

a) Trường hợp tại địa bàn KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện chưa ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt cho NHTM, thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện và các cơ quan Thuế, Hải quan phối hợp thu NSNN với NHTM bằng chuyển khoản.

b) [6] *Trường hợp KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện đã ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt, song người nộp NSNN vẫn đến KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện để nộp NSNN thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện vẫn phải thực hiện thu tiền mặt từ người nộp NSNN, trừ các đơn vị, tổ chức kinh tế có tài khoản tại ngân hàng thương mại (sau đây viết tắt là NHTM) theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống KBNN.*

---

[6] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

c) Trường hợp KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện thay đổi NHTM nơi mở tài khoản hoặc thành lập đơn vị KBNN mới (do chia tách, sáp nhập địa bàn), thì KBNN cấp tỉnh hoặc KBNN cấp huyện phải thực hiện phối hợp thu NSNN với NHTM nơi mới mở tài khoản.

d) KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện thực hiện mở tài khoản chuyên thu tại NHTM để thực hiện phối hợp thu và ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các NHTM.

2. Việc ủy nhiệm thu NSNN bằng tiền mặt cho NHTM nơi KBNN (cấp tỉnh, cấp huyện) mở tài khoản do Giám đốc KBNN cấp tỉnh quyết định.

Điều 5. Các hình thức thu ngân sách nhà nước

1.[7] *Thu bằng chuyển khoản:*

a) Thu bằng chuyển khoản từ tài khoản của người nộp NSNN tại NHTM, NHTM thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN chuyển vào tài khoản của KBNN để ghi thu NSNN.

b) Thu bằng chuyển khoản từ tài khoản của người nộp NSNN tại KBNN, KBNN thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN để ghi thu NSNN.

c) Thu bằng phương thức điện tử, bao gồm:

- Qua dịch vụ nộp thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế (cơ quan Thuế hoặc cơ quan Hải quan);

- Qua dịch vụ thanh toán điện tử của NHTM như ATM, Internetbanking, Mobile banking, POS hoặc các hình thức thanh toán điện tử khác của NHTM;

- Qua các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp giấy phép cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

- Qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng dịch công cấp bộ, cấp tỉnh.

2. Thu bằng tiền mặt:

a) Thu bằng tiền mặt trực tiếp tại KBNN.

b) Thu bằng tiền mặt tại NHTM để chuyển nộp vào tài khoản của KBNN.

c)[8] *Thu bằng tiền mặt qua cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu. Cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu có trách nhiệm thu tiền mặt từ người nộp NSNN (trừ các đơn vị, tổ chức kinh tế có tài khoản tại NHTM theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống*

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

KBNN), sau đó nộp toàn bộ số tiền đã thu được vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

d) Thu qua các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thu phạt trực tiếp hoặc được ủy nhiệm thu phạt theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn Luật.

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã được phép thu các khoản thuộc nhiệm vụ thu của ngân sách cấp xã; sau đó, làm thủ tục nộp tiền vào KBNN cấp huyện hoặc nộp vào quỹ của ngân sách xã để chi theo chế độ quy định (trường hợp các xã ở vùng sâu, vùng xa chưa có điều kiện giao dịch thường xuyên với KBNN). Việc tổ chức thu, nộp ngân sách xã được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

Điều 6. Chứng từ thu ngân sách nhà nước

1. [9] Chứng từ nộp NSNN được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 3 và khoản 10 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực KBNN (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2020/NĐ-CP). Việc sử dụng chứng từ nộp NSNN theo từng phương thức thu, nộp NSNN được quy định cụ thể như sau:

a) Bảng kê nộp thuế (mẫu số 01 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP): Là chứng từ do người nộp NSNN lập, sử dụng trong trường hợp nộp NSNN bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản đối với các khoản nộp NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý và một số khoản nộp NSNN khác tại KBNN hoặc ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản (ngân hàng ủy nhiệm thu) hoặc ngân hàng đã kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế (ngân hàng phối hợp thu).

Trường hợp đã có quyết định/thông báo của cơ quan quản lý thuế gửi đến, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu căn cứ vào quyết định/thông báo của cơ quan quản lý thuế để làm thủ tục thu tiền từ người nộp NSNN, người nộp NSNN không phải lập Bảng kê nộp thuế.

b) Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số 02 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) sử dụng trong những trường hợp sau:

Trường hợp người nộp NSNN lập để nộp NSNN đối với các khoản nộp NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Cổng dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh.

Trường hợp KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu lập và cấp cho người nộp NSNN khi người nộp NSNN nộp bằng tiền mặt

---

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

hoặc chuyển khoản tại KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu để xác nhận số tiền đã nộp NSNN đối với các khoản nộp do cơ quan quản lý thuế quản lý.

Trường hợp KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu lập để hạch toán thu NSNN trong trường hợp thu tiền phí, lệ phí và phạt vi phạm hành chính không do cơ quan quản lý thuế quản lý.

c) Biên lai thu phạt vi phạm hành chính không in sẵn mệnh giá (mẫu số 03a1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu hoặc tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu NSNN (sau đây gọi chung là cơ quan thu) lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp phạt vi phạm hành chính đối với các khoản phạt vi phạm hành chính với mức thu không cố định trong từng lần.

d) Biên lai thu phạt vi phạm hành chính in sẵn mệnh giá (mẫu số 03a2 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp phạt vi phạm hành chính đối với các khoản phạt vi phạm hành chính với mức thu cố định trong từng lần.

đ) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí không in sẵn mệnh giá (mẫu số 03b1 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp thuế, phí, lệ phí với mức thu không cố định trong từng lần.

e) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí in sẵn mệnh giá (mẫu số 03b2 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do cơ quan thu lập và sử dụng để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp cơ quan thu thực hiện thu tiền mặt từ người nộp thuế, phí, lệ phí với mức thu cố định trong từng lần.

g) Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính (mẫu số 03c phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) sử dụng trong trường hợp KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu lập và cấp cho người nộp phí, lệ phí và phạt vi phạm hành chính để xác nhận số tiền đã nộp trong trường hợp người nộp nộp bằng tiền mặt tại KBNN và ngân hàng ủy nhiệm thu.

h) Các chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị tại KBNN (mẫu số 16a2, 16a4, 16b1, 16b2 và 16c3 phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) là chứng từ do người nộp NSNN lập và sử dụng trong trường hợp người nộp NSNN lập để trích tiền từ tài khoản của đơn vị mở tại KBNN để nộp NSNN hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

i) Chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là chứng từ do người nộp NSNN lập và sử dụng trong trường hợp người nộp NSNN nộp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại ngân hàng chưa kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế hoặc tại ngân hàng phối

hợp thu (trừ quy định tại điểm a, b và điểm g khoản này) hoặc bằng phương thức điện tử (trừ quy định tại điểm b khoản này).

Chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải đảm bảo đầy đủ các thông tin trên Giấy nộp tiền vào NSNN (trường hợp khoản nộp NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý) hoặc trên Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính (trường hợp khoản nộp NSNN không do cơ quan quản lý thuế quản lý).

k) Chứng từ chứng nhận nộp NSNN của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích là chứng từ sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cơ quan thu ủy nhiệm thu NSNN đối với các khoản thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính. Chứng từ chứng nhận nộp NSNN của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính phải đảm bảo đầy đủ các thông tin trên Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính.

Ngoài các chứng từ nộp NSNN quy định từ điểm a đến điểm k khoản này, trường hợp thực hiện cưỡng chế thu NSNN theo chế độ quy định, cơ quan thu lập Lệnh thu NSNN (mẫu số C1-01/NS ban hành kèm theo Thông tư này) yêu cầu KBNN, ngân hàng nơi người nộp NSNN mở tài khoản thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN để nộp NSNN theo quy định của Luật NSNN và Luật Quản lý thuế.

Việc thực hiện chứng từ điện tử nộp NSNN được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và các văn bản hướng dẫn.

2. Việc lập, kiểm soát, luân chuyển, phục hồi và lưu trữ chứng từ thu NSNN tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật. Ngoài các nội dung chủ yếu trên chứng từ thu NSNN theo mẫu quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này, cơ quan, tổ chức thu tiền có thể tạo thêm thông tin về mã vạch, hình nền biểu tượng (lô gô) của cơ quan, tổ chức thu; các thông tin tạo thêm phải đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật, không che khuất, làm mờ các nội dung phải có trên chứng từ thu NSNN.

3. [10] Việc sử dụng con dấu đóng trên Giấy nộp tiền vào NSNN đối với trường hợp nộp NSNN tại các đơn vị KBNN được quy định như sau:

a) Trường hợp nộp NSNN trực tiếp tại Sở Giao dịch KBNN: Đóng dấu "Sở Giao dịch KBNN".

b) Trường hợp nộp NSNN trực tiếp tại trụ sở KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện: Đóng dấu "Kế toán".

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Mục 2
QUY TRÌNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 7. Thu ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam[11]

1. Thủ tục nộp tiền vào NSNN được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và Điều 13 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

a) Các cơ quan thu khi thu tiền từ người nộp NSNN để nộp vào NSNN thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Phí và lệ phí, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.

b) Các ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi thu tiền từ người nộp NSNN phải thực hiện truyền thông tin theo quy định tại mục 4 Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (sau đây gọi là Thông tư số 19/2021/TT-BTC) và hướng dẫn tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Đồng thời, chuyển số tiền đã thu được vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng ngay trong ngày giao dịch, trường hợp không thể hoàn tất thủ tục trong ngày giao dịch, ngân hàng thương mại và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện chuyển trước 10 giờ ngày giao dịch tiếp theo theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế (sau đây gọi là Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

c) Sau khi nhận được thông tin và số tiền đã thu được do ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian truyền đến, ngân hàng ủy nhiệm thu chuyển tiền vào tài khoản của KBNN và truyền thông tin thu nộp NSNN sang KBNN ngay trong ngày giao dịch, trường hợp không thể hoàn tất thủ tục trong ngày giao dịch, ngân hàng ủy nhiệm thu thực hiện chuyển trước 10 giờ ngày giao dịch tiếp theo theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP. Ngân hàng ủy nhiệm thu truyền đầy đủ thông tin trên chứng từ nộp NSNN đã cấp cho người nộp NSNN đến cơ quan quản lý thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo thỏa thuận phối hợp thu NSNN giữa ngân hàng và cơ quan quản lý thuế.

d) KBNN căn cứ thông tin thu NSNN do ngân hàng ủy nhiệm thu truyền sang thực hiện tra cứu, kiểm tra, hoàn thiện thông tin và hạch toán thu NSNN. Trường hợp KBNN, cơ quan quản lý thuế, các NHTM và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế hoàn thành việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng việc truyền, nhận, hạch toán thông tin thu, nộp NSNN theo "số tham chiếu" theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC, KBNN căn cứ vào "số tham chiếu" do

---

[11] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

ngân hàng ủy nhiệm thu truyền sang để truy vấn thông tin trên chứng từ nộp NSNN Cổng thông tin của cơ quan quản lý thuế để hạch toán thu NSNN. Trong đó:

Trường hợp không có thông tin hoặc thiếu các thông tin hoặc không thể truy vấn (có sự cố về hệ thống) để lấy thông tin của chứng từ nộp NSNN, KBNN hạch toán khoản thu vào tài khoản chờ xử lý và lập thư tra soát để cơ quan quản lý thuế bổ sung thông tin hạch toán thu NSNN.

Trường hợp thông tin trên chứng từ nộp NSNN từ ngân hàng ủy nhiệm thu truyền sang KBNN vừa có đầy đủ thông tin phục vụ hạch toán NSNN và vừa có thông tin về "số tham chiếu", KBNN hạch toán thu NSNN theo thông tin chi tiết trên chứng từ nộp NSNN mà ngân hàng ủy nhiệm thu truyền sang.

đ) KBNN tập hợp thông tin thu NSNN để chuyển cho cơ quan quản lý thu trên địa bàn theo quy định tại Quy chế truyền nhận thông tin thu nộp, hoàn trả NSNN điện tử giữa cơ quan thuế, hải quan, tài chính và KBNN.

e) Đối với ngày làm việc cuối năm, NHTM và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phối hợp với ngân hàng ủy nhiệm thu, ngân hàng ủy nhiệm thu phối hợp với KBNN đảm bảo hạch toán số liệu khớp đúng ngay trong ngày cuối năm.

2. Trường hợp thu NSNN trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế quản lý) tại KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu và ngân hàng phối hợp thu: Căn cứ thông tin trên bảng kê nộp thuế hoặc quyết định/thông báo của cơ quan thuế, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu nhập thông tin mã số thuế hoặc mã số định danh khoản phải nộp (nếu có) theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn giao dịch trong lĩnh vực thuế vào chương trình TCS hoặc TCS-NHTM để truy xuất thông tin về dữ liệu về người nộp thuế, dữ liệu về khoản thuế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và xử lý như sau:

a) Trường hợp KBNN, cơ quan quản lý thuế, các NHTM và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế đã hoàn thành việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng việc truyền, nhận, hạch toán thông tin thu, nộp NSNN theo "số tham chiếu" theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC:

KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu thực hiện làm thủ tục thu tiền mặt hoặc trích tài khoản của người nộp NSNN theo quy định tại tiết b1 và tiết b2 điểm b khoản này. Ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu lập Giấy nộp tiền vào NSNN, đồng thời tự động tạo "số tham chiếu" trên Giấy nộp tiền vào NSNN theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Thông tư 19/2021/TT-BTC.

Sau khi hoàn thành giao dịch đã thu NSNN, ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm phê duyệt và truyền dữ liệu thu NSNN đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo thỏa thuận phối hợp thu NSNN giữa ngân hàng và cơ quan quản lý thuế; đồng thời chuyển tiền và truyền thông tin trên chứng từ

nộp NSNN sang ngân hàng ủy nhiệm thu. Việc truyền thông tin thu nộp NSNN từ ngân hàng phối hợp thu sang ngân hàng ủy nhiệm thu và từ ngân hàng ủy nhiệm thu sang KBNN thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư 19/2021/TT-BTC.

b) Trường hợp KBNN, cơ quan quản lý thuế, các NHTM và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế chưa hoàn thành việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng việc truyền, nhận, hạch toán thông tin thu, nộp NSNN theo "số tham chiếu" theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC:

b1) Trường hợp thông tin người nộp NSNN cung cấp khớp đúng với thông tin truy xuất trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu làm thủ tục thu tiền mặt hoặc trích tài khoản của người nộp NSNN để chuyển vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng hoặc làm thủ tục thanh toán thẻ của người nộp NSNN qua POS lắp đặt tại KBNN.

Sau đó, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu lập Giấy nộp tiền vào NSNN và xử lý như sau:

Liên 1: làm chứng từ hạch toán và lưu.

Liên 2: gửi người nộp NSNN.

b2) Trường hợp kiểm tra không có thông tin khoản phải nộp hoặc có thông tin khoản phải nộp nhưng không khớp đúng với thông tin do người nộp NSNN cung cấp, thì thực hiện như sau:

Sai lệch về thông tin người nộp NSNN: Trường hợp không tìm thấy thông tin người nộp NSNN (mã số thuế, tên người nộp thuế) trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu hướng dẫn người nộp thuế kiểm tra lại thông tin đã kê khai. Trường hợp không có thông tin của người nộp NSNN, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu sử dụng mã số thuế tạm "0106680443", đồng thời ghi mã số thuế do người nộp NSNN khai báo trên Bảng kê nộp thuế vào cuối phần tên người nộp NSNN để phục vụ tra soát. Trường hợp sai khác về thông tin địa chỉ, KBNN hoặc ngân hàng ghi nhận theo thông tin của người nộp NSNN và hướng dẫn người nộp NSNN thông báo lại địa chỉ mới với cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp NSNN.

Sai lệch về thông tin số phải nộp: Trường hợp thông tin khoản phải nộp không trùng khớp thì KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu ghi nhận theo kê khai của người nộp NSNN trên Bảng kê nộp thuế. Trường hợp không tìm thấy thông tin về mã số định danh khoản phải nộp trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu hướng dẫn người nộp thuế kê khai lại đầy đủ các thông tin trên Bảng kê nộp thuế.

Sau khi thực hiện theo quy định trên, KBNN hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc ngân hàng phối hợp thu bổ sung và hoàn thiện thông tin thuộc trách nhiệm của đơn vị mình trên mẫu Giấy nộp tiền vào NSNN, cụ thể:

Mã cơ quan KBNN nơi nhận khoản thu NSNN: căn cứ tên cơ quan KBNN do người nộp NSNN kê khai trên chứng từ nộp NSNN.

Mã cơ quan quản lý thu: căn cứ tên cơ quan quản lý thu do người nộp NSNN kê khai trên chứng từ nộp NSNN hoặc dữ liệu về khoản phải nộp.

Mã tài khoản thu ngân sách: căn cứ thông tin do người nộp NSNN kê khai trên chứng từ nộp NSNN hoặc dữ liệu về khoản phải nộp.

Mã chương: Trường hợp người nộp NSNN nộp đúng các khoản phải nộp đã có trong dữ liệu về khoản phải nộp, ngân hàng lấy theo mã chương trong dữ liệu về khoản phải nộp. Trường hợp người nộp NSNN nộp các khoản chưa có trong dữ liệu về khoản phải nộp của người nộp NSNN, ngân hàng lấy mã chương của khoản nộp là mã chương của người nộp NSNN trong dữ liệu về người nộp NSNN.

Trường hợp nộp các khoản thuế thu nhập cá nhân chưa có trong dữ liệu về khoản thuế của người nộp NSNN, ngân hàng bổ sung mã chương của khoản nộp là "557" tương ứng với cơ quan quản lý thu là Cục Thuế, bổ sung mã chương của khoản nộp là "757" tương ứng với cơ quan quản lý thu là Chi cục Thuế.

Trường hợp nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa có trong dữ liệu về khoản phải nộp của người nộp NSNN, ngân hàng bổ sung mã chương của khoản nộp là "026" đối với thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bổ sung mã chương của khoản nộp là "426" đối với thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Sau khi đã thực hiện các trường hợp nêu trên mà chưa xác định được mã chương, ngân hàng sử dụng mã chương tạm "999" để bổ sung thông tin mã chương cho khoản nộp.

Mã tiểu mục: trường hợp người nộp NSNN nộp đúng các khoản đã có trong dữ liệu về khoản phải nộp của người nộp NSNN, ngân hàng lấy theo mã tiểu mục trong dữ liệu về khoản phải nộp. Trường hợp người nộp NSNN nộp các khoản chưa có trong dữ liệu về khoản phải nộp, ngân hàng căn cứ nội dung các khoản nộp ngân sách do người nộp NSNN kê khai và danh mục mã tiểu mục trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế để xác định mã tiểu mục tương ứng. Sau khi đã thực hiện các trường hợp nêu trên mà chưa xác định được mã tiểu mục, ngân hàng sử dụng mã tiểu mục tạm "9999" để bổ sung thông tin mã tiểu mục cho khoản nộp.

Mã địa bàn hành chính: ngân hàng bổ sung, hoàn thiện căn cứ trên thông tin mã địa bàn hành chính đã có trong dữ liệu về khoản phải nộp của người nộp NSNN. Trường hợp người nộp NSNN nộp các khoản chưa có trong dữ liệu về

khoản phải nộp, ngân hàng sử dụng mã địa bàn hành chính tạm "99999" để bổ sung thông tin mã địa bàn hành chính cho khoản nộp.

Sau khi bổ sung và hoàn thiện các thông tin trên, KBNN và ngân hàng ủy nhiệm thu và ngân hàng phối hợp thu lập Giấy nộp tiền vào NSNN và xử lý các liên của Giấy nộp tiền vào NSNN theo quy định tại tiết b1 điểm này.

b3) Về việc chuyển tiền và thông tin thu NSNN giữa ngân hàng phối hợp thu và ngân hàng ủy nhiệm thu:

Tại ngân hàng phối hợp thu: Sau khi hoàn thành giao dịch đã thu NSNN, ngân hàng phối hợp thu có trách nhiệm phê duyệt và truyền dữ liệu thu NSNN đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo thỏa thuận phối hợp thu NSNN giữa ngân hàng và cơ quan quản lý thuế; đồng thời, làm thủ tục chuyển số tiền đã thu vào tài khoản của KBNN và truyền thông tin trên chứng từ nộp NSNN sang ngân hàng ủy nhiệm thu. Thông tin trên chứng từ nộp NSNN truyền sang ngân hàng ủy nhiệm thu phải bao gồm các thông tin sau:

(1) Tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp NSNN;

(2) Tài khoản thu NSNN hoặc Tài khoản thu hồi hoàn thuế GTGT;

(3) Mã và tên KBNN nơi nhận khoản thu NSNN;

(4) Mã và tên cơ quan quản lý thu;

(5) Thông tin liên quan đến khoản nộp NSNN:

- Số Tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID) và kỳ thuế/ngày quyết định/Ngày thông báo.

- Nội dung khoản nộp NSNN: Tên loại thuế, tên khoản nộp; địa chỉ căn nhà, lô đất (nếu có); loại phương tiện, nhãn hiệu, số loại, màu sơn, số khung, số máy của máy bay, tàu thuyền, ôtô, xe máy (nếu có); tên cơ quan có thẩm quyền ra quyết định, thông báo đối với khoản nộp NSNN.

- Mã chương, mã tiểu mục của từng loại thuế, khoản nộp.

- Mã địa bàn hành chính.

(6) Số tiền chi tiết từng khoản nộp ghi nhận theo tiền VNĐ hoặc ngoại tệ và tỷ giá;

(7) Ngày nộp thuế.

Ngoài 07 thông tin bắt buộc này, ngân hàng phối hợp thu có thể truyền các thông tin khác liên quan đến chứng từ nộp NSNN phù hợp với nghiệp vụ thanh toán liên ngân hàng.

Tại ngân hàng ủy nhiệm thu: Đối với các khoản nộp NSNN phát sinh trực tiếp tại ngân hàng ủy nhiệm thu, sau khi hoàn thành giao dịch thu NSNN, ngân hàng ủy nhiệm thu hạch toán và chuyển ngay số tiền đã thu vào tài khoản của KBNN và truyền thông tin, chứng từ nộp NSNN về KBNN. Ngân hàng ủy nhiệm thu truyền đầy đủ thông tin trên chứng từ nộp NSNN đã cấp cho người nộp NSNN đến

cơ quan quản lý thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo thỏa thuận phối hợp thu NSNN giữa ngân hàng và cơ quan quản lý thuế.

Đối với các khoản nộp NSNN chuyển tiếp từ ngân hàng phối hợp thu (ngân hàng nơi người nộp NSNN làm thủ tục nộp tiền): ngân hàng ủy nhiệm thu kiểm tra thông tin truy vấn trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế, nếu phù hợp, thì hạch toán chuyển tiền vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng và truyền thông tin thu NSNN sang KBNN. Trường hợp thiếu hoặc sai khác so với thông tin truy vấn trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế hoặc thiếu các thông tin bắt buộc như đối với thông tin bắt buộc ngân hàng phối hợp thu phải truyền sang ngân hàng ủy nhiệm thu hoặc sai khác về thông tin chuyển tiền so với số tiền chuyển vào tài khoản của KBNN thì ngân hàng ủy nhiệm thu gửi thư tra soát với ngân hàng phối hợp thu để bổ sung, điều chỉnh thông tin cho phù hợp.

3. Trường hợp thu NSNN trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại ngân hàng chưa kết nối với Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế (ngân hàng chưa phối hợp thu) hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán: Căn cứ chứng từ nộp NSNN theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện trích tài khoản của người nộp NSNN mở tại ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán hoặc thu tiền mặt của người nộp NSNN để chuyển vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng; đồng thời, chuyển đầy đủ thông tin theo chứng từ nộp NSNN và "số tham chiếu" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư số 19/2021/TT-BTC (nếu có).

Ngân hàng ủy nhiệm thu thực hiện truy vấn thông tin người nộp NSNN (đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế quản lý), dữ liệu khoản nộp NSNN trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và thực hiện bổ sung, hoàn thiện thông tin nộp NSNN của người nộp NSNN theo quy định tại tiết b3 điểm b khoản 2 Điều này. Ngân hàng ủy nhiệm thu truyền thông tin thu nộp NSNN và số tiền đã thu đến cơ quan quản lý thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế và KBNN theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp thu NSNN bằng chuyển khoản tại KBNN: Căn cứ thông tin do người nộp NSNN kê khai trên chứng từ chuyển tiền theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 Thông tư này, KBNN thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin người nộp NSNN kê khai với thông tin trên chương trình TCS hoặc thông tin truy xuất trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế như quy định tại khoản 2 Điều này; sau đó, làm thủ tục trích tiền từ tài khoản của người nộp NSNN mở tại KBNN, hạch toán toán thu NSNN và xử lý các liên chứng từ theo chế độ quy định.

5. Trường hợp về thu NSNN bằng biên lai thu tại NHTM nơi KBNN mở tài khoản:

a) KBNN thực hiện ủy nhiệm thu phí, lệ phí, thu tiền phạt vi phạm hành chính bằng biên lai thu được lập và được in từ chương trình TCS – NHTM (mẫu

03c phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) theo thỏa thuận giữa KBNN và các NHTM nơi KBNN mở tài khoản.

b) Khi người nộp NSNN đến nộp tiền, NHTM lập biên lai thu để thu tiền, hạch toán vào tài khoản của KBNN và xử lý các liên biên lai như sau:

Đối với trường hợp thu phí, lệ phí, NHTM lập và in 02 liên biên lai thu và xử lý: 01 liên lưu tại NHTM; 01 liên gửi người nộp NSNN.

Đối với trường hợp thu tiền phạt vi phạm hành chính, NHTM lập và in 03 liên biên lai thu và xử lý: 01 liên lưu tại NHTM (cùng với quyết định xử phạt vi phạm hành chính); 01 liên gửi người nộp phạt; 01 liên gửi cơ quan ra quyết định xử phạt (thông qua người nộp phạt).

c) Căn cứ dữ liệu thu NSNN do NHTM chuyển đến, các đơn vị KBNN hạch toán, xử lý và lưu trữ các liên chứng từ theo hướng dẫn của KBNN.

d) KBNN chủ trì phối hợp với NHTM nơi KBNN mở tài khoản hướng dẫn chi tiết quy trình ủy nhiệm thu NSNN bằng biên lai thu.

6. Trường hợp thu NSNN bằng biên lai thu tại KBNN

a) KBNN được sử dụng biên lai thu lập và in từ chương trình TCS (mẫu 03c tại phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP) để thu một số khoản phí, lệ phí, tiền phạt vi phạm hành chính.

b) Khi người nộp NSNN đến nộp tiền, KBNN lập biên lai thu để thu tiền và xử lý các liên biên lai theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này. Căn cứ các biên lai thu, các đơn vị KBNN hạch toán, xử lý và lưu trữ các liên chứng từ theo hướng dẫn của KBNN.

7. Trường hợp thu NSNN bằng biên lai thu qua cơ quan thu và tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu (sau đây gọi chung là cơ quan thu):

a) Quy trình luân chuyển các liên biên lai thu quy định tại phụ lục I Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6 Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn viêc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc NSNN, Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính, Thông tư số 178/2011/TT-BTC ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý biên lai thu thuế, lệ phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b) Cuối ngày hoặc định kỳ, cơ quan thu lập Bảng kê biên lai thu (mẫu số 02/BK-BLT hoặc mẫu số mẫu số 03/BK-BLMG ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp thu phí, lệ phí) hoặc Bảng kê thu tiền phạt (mẫu số

02/BKTP ban hành kèm theo Thông tư này trong trường hợp thu phạt vi phạm hành chính). Căn cứ Bảng kê biên lai thu hoặc Bảng kê thu tiền phạt, cơ quan thu thực hiện như sau:

Trường hợp các khoản phạt vi phạm hành chính và các khoản phí, lệ phí nộp NSNN, cơ quan thu lập Bảng kê nộp thuế để làm thủ tục nộp toàn bộ số tiền đã thu vào KBNN hoặc vào tài khoản của KBNN mở tại ngân hàng.

Trường hợp các khoản phí nộp vào tài khoản phí chờ nộp NSNN mở tại KBNN, cơ quan thu lập Giấy nộp tiền vào tài khoản theo mẫu số C4-08/KB ban hành kèm theo Thông tư số 19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN (trường hợp nộp tại KBNN) hoặc cơ quan thu sử dụng chứng từ giao dịch của NHTM để làm thủ tục nộp toàn bộ số tiền đã thu được vào tài khoản phí chờ nộp NSNN mở tại KBNN (trường hợp nộp tại NHTM).

Đối với các tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu thì phải lập 02 liên Bảng kê biên lai thu: 01 liên lưu tại tổ chức được cơ quan thu ủy nhiệm thu, 01 liên gửi cơ quan ủy nhiệm thu để theo dõi, kiểm tra, đối chiếu.

c) Định kỳ, cơ quan sử dụng biên lai quyết toán biên lai thu với cơ quan cấp biên lai, đảm bảo khớp đúng giữa số biên lai đã sử dụng, số biên lai hủy, số còn lại chưa sử dụng, số tiền đã thu và nộp vào NSNN, đối chiếu giữa Bảng kê biên lai thu (hoặc Bảng kê thu tiền phạt) và các liên Giấy nộp tiền vào NSNN hoặc Giấy nộp tiền vào tài khoản.

Điều 8. Thu ngân sách nhà nước bằng ngoại tệ

1. Nguyên tắc quản lý:

a) Các khoản thu NSNN bằng ngoại tệ (không kể các khoản viện trợ nước ngoài trực tiếp cho các dự án) được tập trung về quỹ ngoại tệ của NSNN, thống nhất quản lý tại KBNN (Trung ương). Số thu NSNN bằng ngoại tệ được ghi thu quỹ ngoại tệ của NSNN (theo nguyên tệ); đồng thời, quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ để hạch toán thu NSNN và phân chia cho ngân sách các cấp theo chế độ quy định.

b)[12] Các khoản thu NSNN bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi phát sinh tại địa phương được nộp vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của KBNN cấp tỉnh tại NHTM.

Đối với các khoản thu khác bằng ngoại tệ không phải là ngoại tệ tự do chuyển đổi và ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông được xác lập quyền sở hữu toàn dân, KBNN tổ chức lưu giữ, bảo quản. Định kỳ trước ngày 15/01 hàng năm, KBNN cấp tỉnh tổng hợp số ngoại tệ không tự do chuyển đổi và ngoại tệ

---

[12] Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

không đủ tiêu chuẩn lưu thông được xác lập quyền sở hữu toàn dân phát sinh trên địa bàn; đồng thời, có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương mua số ngoại tệ này để nộp NSNN. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không mua, KBNN cấp tỉnh báo cáo KBNN Trung ương để phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có biện pháp xử lý.

KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện không tổ chức thu NSNN bằng ngoại tệ tiền mặt.

c) Quỹ ngoại tệ của NSNN được sử dụng để thanh toán, chi trả các khoản chi NSNN bằng ngoại tệ. Phần ngoại tệ còn lại, KBNN (Trung ương) được phép bán cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Hết năm, vào thời gian chỉnh lý quyết toán, KBNN (Trung ương) tổng hợp chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và phối hợp với Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính để xử lý.

d) Tỷ giá hạch toán ngoại tệ hàng tháng được áp dụng thống nhất trên phạm vi cả nước đối với các nghiệp vụ quy đổi và hạch toán thu, chi NSNN bằng ngoại tệ; quy đổi và hạch toán kế toán của KBNN.

đ. [13] *Bộ trưởng Bộ Tài chính ủy quyền cho Tổng Giám đốc KBNN xác định và thông báo tỷ giá hạch toán ngoại tệ hàng tháng. Cụ thể:*

- Tỷ giá hạch toán giữa đồng Việt Nam và đồng đô la Mỹ được tính bình quân theo tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trong thời gian 30 ngày trước ngày thông báo.

- Tỷ giá hạch toán giữa đồng Việt Nam và các loại ngoại tệ khác được tính bình quân theo tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với các loại ngoại tệ khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trong thời gian 30 ngày trước ngày thông báo. Đối với các ngoại tệ chưa được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá tính chéo thì được tính thông qua đồng đô la Mỹ theo tỷ giá thống kê quy đổi giữa đô la Mỹ và các ngoại tệ khác do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam cung cấp vào ngày làm việc cuối cùng của tháng.

2. Quy trình thu NSNN bằng ngoại tệ:

a) Thu ngoại tệ bằng chuyển khoản: Được thực hiện tương tự như quy trình thu NSNN bằng chuyển khoản đối với đồng Việt Nam. Căn cứ chứng từ thu NSNN do ngân hàng gửi đến, KBNN các cấp xử lý:

- KBNN cấp tỉnh hạch toán tăng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng, ghi thu NSNN bằng ngoại tệ; đồng thời, quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ để hạch toán thu NSNN bằng đồng Việt Nam.

---

[13] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

- KBNN thực hiện ghi thu quỹ ngoại tệ của NSNN (khoản thu NSNN tại KBNN và khoản ngoại tệ do KBNN cấp tỉnh chuyển về); đồng thời, quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán ngoại tệ (chỉ bao gồm số ngoại tệ thu tại KBNN) để hạch toán thu NSNN.

b) Thu ngoại tệ bằng tiền mặt qua ngân hàng: Được thực hiện tương tự như quy trình thu NSNN bằng tiền mặt đối với đồng Việt Nam tại NHTM nơi KBNN mở tài khoản. Căn cứ chứng từ thu NSNN do ngân hàng gửi đến, KBNN các cấp xử lý theo quy trình nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

c) [14] Thu NSNN bằng tiền mặt đối với ngoại tệ tại cơ quan thu: Được thực hiện tương tự như quy trình thu NSNN bằng tiền mặt đối với đồng Việt Nam tại cơ quan thu. Cơ quan thu phải nộp đầy đủ, kịp thời số ngoại tệ đã thu vào tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của KBNN theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 9. Thu ngân sách nhà nước đối với một số khoản đặc thù khác

1. Đối với các khoản thu từ quỹ dự trữ tài chính; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên; thu kết dư NSNN; thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước; các khoản ghi thu, ghi chi: KBNN căn cứ hồ sơ, chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc để làm thủ tục hạch toán thu NSNN.

2. Đối với các khoản thu từ các hoạt động kinh tế của Nhà nước; thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý; thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở ngoài nước trực tiếp cho Chính phủ Việt Nam, cho cơ quan nhà nước thuộc địa phương; các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các khoản thu khác theo quy định hiện hành của pháp luật: các cơ quan có nghĩa vụ nộp NSNN thực hiện lập chứng từ nộp tiền vào NSNN và nộp tiền vào KBNN hoặc nộp qua cơ quan thu theo chế độ quy định đối với từng khoản thu.

Mục 3

HOÀN TRẢ CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước

1. Việc hoàn trả các khoản thu NSNN được thực hiện trong các trường hợp:

a) Thu không đúng chính sách, chế độ.

b) Cơ chế, chính sách thu có thay đổi.

---

[14] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

c) Người nộp NSNN được miễn, giảm, hoàn thuế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Các khoản hoàn trả theo quy định hiện hành của pháp luật về thuế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

đ) Người nộp NSNN có số tiền thuế, tiền phạt và thu khác đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền phạt và thu khác phải nộp đối với từng loại thuế.

1a.[15] Nguồn hoàn trả các khoản thu NSNN:

a) Việc hoàn trả các khoản thu NSNN được thực hiện theo nguyên tắc số thu do ngân sách cấp nào hưởng thì ngân sách cấp đó hoàn trả, theo tỷ lệ phân chia số thu NSNN của năm phát sinh khoản thu đó, trừ trường hợp hoàn trả thuế thu nhập cá nhân cho số thuế thu nhập cá nhân đã nộp tại địa bàn khác theo quy định tại điểm b khoản này và trường hợp pháp luật có quy định khác. Nguồn hoàn trả các khoản thu NSNN được lấy từ số thu đã nộp NSNN của các khoản thu được hoàn trả. Nếu số thu (chi tiết theo mục lục NSNN) của khoản thu đó không có hoặc không đủ để hoàn trả thì nguồn hoàn trả được lấy từ số thu NSNN theo từng cấp ngân sách của từng địa bàn thu.

b) Trường hợp hoàn trả thuế thu nhập cá nhân cho số thuế thu nhập cá nhân đã nộp tại địa bàn khác, thì nguồn hoàn trả được lấy từ số thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương của năm phát sinh khoản thu được hoàn trên địa bàn hoàn trả, trong đó ngân sách cấp tỉnh chịu trách nhiệm hoàn trả toàn bộ phần ngân sách địa phương phải hoàn trả về thuế thu nhập cá nhân.

1b.[16] Căn cứ ngày của quyết định hoàn trả trên lệnh hoàn trả thu ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước hạch toán hoàn trả các khoản thu từ ngân sách nhà nước như sau:

- Đối với các quyết định hoàn trả ban hành trong năm hiện hành: thực hiện hạch toán giảm thu ngân sách nhà nước trong năm hiện hành (chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước của khoản hoàn trả).

- Đối với các quyết định hoàn trả ban hành trong năm trước: trường hợp hoàn trả trong thời gian chỉnh lý quyết toán, thực hiện hạch toán giảm thu ngân sách nhà nước năm trước; trường hợp hoàn trả sau thời gian chỉnh lý quyết toán, thực hiện hạch toán giảm thu ngân sách nhà nước trong năm hiện hành (chi tiết theo mục lục ngân sách nhà nước của khoản hoàn trả).

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 và được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23/2025/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

1c.[17] *Hạch toán thu hồi hoàn thuế giá trị gia tăng sau khi đã hoàn theo pháp luật thuế:*

Số tiền thu hồi hoàn thuế giá trị gia tăng nộp trong năm ngân sách nào thì được hạch toán giảm chi hoàn thuế giá trị gia tăng của năm ngân sách đó.

2. Quy trình, thủ tục hoàn trả:

a) Trường hợp hoàn trả các khoản thu do cơ quan Thuế, Hải quan quản lý: Quy trình, thủ tục hoàn trả được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

b)[18] *Trường hợp hoàn trả các khoản thu không do cơ quan Thuế, Hải quan quản lý, quy trình, thủ tục hoàn trả được thực hiện như sau:*

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoàn trả (cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hoặc cơ quan cấp trên của cơ quan ra quyết định thu) có trách nhiệm kiểm tra đối chiếu hồ sơ đề nghị hoàn trả với các chứng từ nộp NSNN của khoản đã nộp trước đó (nhận bản sao chứng từ nộp tiền vào KBNN đối chiếu với bản chính), nếu phù hợp thì cơ quan quản lý thu ban hành quyết định hoàn trả và lập lệnh hoàn trả khoản thu NSNN, chuyển cho KBNN nơi đã thu NSNN để thực hiện hoàn trả cho người nộp NSNN.

KBNN thực hiện hoàn trả các khoản thu NSNN cho người được hoàn trả theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

Mục 4

ĐỐI CHIẾU, XỬ LÝ SAI SÓT VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN

Điều 11. Đối chiếu số liệu[19]

1. Đối chiếu giữa KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản:

a) Sau thời điểm "cut off time", các đơn vị KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản (tài khoản thanh toán hoặc tài khoản chuyên thu) thực hiện đối

---

[17] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 23/2025/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

chiếu toàn bộ thông tin, số liệu về số đã thu NSNN trong ngày làm việc theo thỏa thuận phối hợp thu NSNN giữa KBNN và NHTM nơi KBNN mở tài khoản.

b) Nguyên tắc đối chiếu:

- Số phát sinh, số dư trên tài khoản của KBNN tại NHTM phải khớp đúng với số liệu trên các tài khoản tương ứng tại KBNN.

- Dữ liệu đối chiếu trong ngày giữa các NHTM và KBNN phải đảm bảo khớp đúng, chi tiết theo từng giao dịch theo mẫu Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu C1-06/NS ban hành kèm theo Thông tư này) và mẫu Bảng kê thu phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính (mẫu số 04/BKTP, LP, TP ban hành kèm theo Thông tư này) do NHTM nơi KBNN mở tài khoản truyền về cho KBNN (bao gồm cả các khoản thu NSNN do các NHTM khác chuyển về).

- Đối với ngày làm việc cuối tháng, năm, KBNN và NHTM phải phối hợp để việc hạch toán các khoản thu NSNN khớp đúng số liệu trong tháng, năm ngân sách.

- Trường hợp KBNN cấp tỉnh, KBNN cấp huyện ủy nhiệm thu bằng biên lai thu cho NHTM nơi KBNN mở tài khoản đối với các khoản thu phí, lệ phí, thu phạt vi phạm hành chính, thì phải đối chiếu khớp đúng theo tổng số món, tổng số tiền, số tiền từng món.

c) Việc đối chiếu số dư tài khoản của KBNN tại các NHTM được thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và NHTM nơi KBNN mở tài khoản, số dư trên tài khoản của KBNN vào thời điểm cuối tháng, cuối năm sau khi đã thực hiện đối chiếu phải được NHTM nơi KBNN mở tài khoản và KBNN xác nhận, ký, đóng dấu đầy đủ để đảm bảo tính hợp pháp của chứng từ.

2. KBNN không thực hiện đối chiếu số đã thu NSNN với các NHTM mà KBNN không mở tài khoản và với các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Việc thanh toán, chuyển tiền và đối chiếu từ NHTM hoặc các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phục vụ người nộp NSNN về NHTM nơi KBNN mở tài khoản được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

3. Đối chiếu giữa KBNN với các cơ quan thu:

a) Đối chiếu giữa KBNN với cơ quan quản lý thuế (cơ quan thuế, hải quan):

Định kỳ hàng ngày, KBNN truyền Bảng kê chứng từ nộp NSNN (mẫu số 04/BK-CTNNS ban hành kèm theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN) cho cơ quan quản lý thuế để thực hiện đối chiếu, hạch toán trừ nợ nghĩa vụ cho người nộp NSNN và tổng hợp báo cáo thu nội địa. Định kỳ hàng tháng, năm, KBNN thực hiện đối chiếu số thu NSNN với cơ quan quản lý thuế trước khi khóa sổ kế toán thu NSNN theo tháng, năm ngân sách. Trường hợp có sai sót, cơ quan quản lý thuế phối hợp với KBNN để điều chỉnh.

b) Giữa KBNN với các cơ quan thu khác (ngoài cơ quan quản lý thuế): Các cơ quan thu khác phối hợp với KBNN thực hiện đối chiếu số thu NSNN hàng tháng. Trường hợp có sai sót, cơ quan thu khác phối hợp với KBNN để điều chỉnh.

Điều 12. Hạch toán kế toán, báo cáo, quyết toán thu ngân sách nhà nước

1. KBNN tổ chức hạch toán kế toán thu NSNN theo quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc, đảm bảo đúng niên độ ngân sách và mục lục NSNN; việc hạch toán số thu NSNN vào tài khoản của KBNN tại ngân hàng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các NHTM.

2. Trường hợp các khoản thu NSNN bằng chuyển khoản qua ngân hàng hoặc thu trực tiếp tại KBNN thiếu hoặc sai yếu tố để hạch toán thu NSNN, thì KBNN hạch toán vào tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan tương ứng; đồng thời, truyền đầy đủ dữ liệu về số đã thu NSNN được hạch toán vào các tài khoản này cho cơ quan Thuế hoặc cơ quan Hải quan theo quy trình đối chiếu, trao đổi thông tin thu NSNN giữa các cơ quan trong ngành tài chính.

Sau đó, KBNN lập thư tra soát bằng phương thức điện tử có gắn chữ ký số gửi cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan để kiểm tra, đối chiếu, bổ sung thông tin và chuyển nộp NSNN theo quy định.

3. Đối với các khoản tạm thu, tạm giữ khác (ngoài các khoản thu quy định tại Khoản 2 Điều này), KBNN hạch toán vào tài khoản tạm thu, tài khoản tạm giữ. Khi xử lý các khoản trên tài khoản tạm thu, tài khoản tạm giữ, KBNN căn cứ vào quyết định hành chính hoặc văn bản, chứng từ hợp pháp, hợp lệ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan quyết định việc tạm thu, tạm giữ, cơ quan được giao quản lý khoản tạm giữ). Đến cuối ngày 31 tháng 12 năm hiện hành, các khoản tạm thu, tạm giữ chưa có quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được chuyển số dư sang năm sau tiếp tục theo dõi xử lý.

4. Đối với các cơ quan, đơn vị có phát sinh khoản thu NSNN được giữ lại để chi theo chế độ quy định, định kỳ phải lập báo cáo chi tiết các khoản thực thu, thực chi gửi cơ quan tài chính. Căn cứ lệnh ghi thu, ghi chi ngân sách do cơ quan tài chính chuyển đến, KBNN thực hiện hạch toán thu, hạch toán chi NSNN.

5.[20] Việc báo cáo định kỳ tình hình thu NSNN, báo cáo kế toán thu NSNN, hoàn trả khoản thu NSNN của ngân sách các cấp được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ KBNN.

---

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[21]

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thu ngân sách nhà nước

1. [22] *Trách nhiệm của cơ quan thu, KBNN, ngân hàng thương mại, các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ nộp NSNN được thực hiện theo quy định tại Luật NSNN, Luật Phí và lệ phí, Luật Quản lý thuế, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn.*

Giao Tổng Giám đốc KBNN ban hành danh mục mã các loại phí, lệ phí nhằm tạo thuận lợi cho công tác trao đổi, thống kê, đối soát thông tin thu phí, lệ phí giữa KBNN, NHTM, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các cơ quan thu; hướng dẫn cấu trúc thông tin nội dung chuyển tiền trên các chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán về NHTM nơi KBNN mở tài khoản để đảm đảo thực hiện thống nhất.

2. Cơ quan tài chính:

a) Phối hợp với các cơ quan thu khác và KBNN trong việc quản lý thu các khoản thu NSNN; đôn đốc các đối tượng thuộc phạm vi quản lý nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu NSNN vào KBNN.

b) Phối hợp với KBNN hạch toán đầy đủ, chính xác, đúng mục lục NSNN và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho các cấp ngân sách; rà soát, đối chiếu các khoản thu ngân sách do cơ quan tài chính trực tiếp quản lý.

3. Cục Tin học và Thống kê tài chính:

a) Duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung của ngành tài chính phục vụ việc kết nối trao đổi thông tin giữa các cơ quan Thuế, Hải quan, KBNN, Tài chính và NHTM.

---

[21] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021 quy định như sau:

*"**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

KBNN, cơ quan Thuế, Hải quan và các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./."

Điều 2 của Thông tư số 23/2025/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025."

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

b) Quản trị cơ sở dữ liệu tại trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương. Kiểm soát việc truyền nhận dữ liệu, phát hiện lỗi truyền dữ liệu giữa các bên để có biện pháp giải quyết kịp thời.

c) Đảm bảo hạ tầng truyền thông thông suốt tại Trung tâm trao đổi dữ liệu trung ương.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 128/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN; Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu NSNN giữa KBNN - Tổng cục Thuế - Tổng cục Hải quan và các NHTM; Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011.

3. Mẫu Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số C1-02/NS) và Bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT) tại Thông tư này thực hiện theo mẫu Giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số C1-02/NS) và Bảng kê nộp thuế (mẫu số 01/BKNT) ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC.

4. Trường hợp các văn bản có liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 14 /VBHN-BTC

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KBNN (05 b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2025

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

Không ghi vào khu vực này

CƠ QUAN THU
.....

Mẫu số C1- 01/NS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài Chính)

LỆNH THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành về chế độ thu ngân sách nhà nước,
Cơ quan ra lệnh thu: ..... Mã CQ thu: .....
Đề nghị NH (KBNN): ..... Tỉnh, TP: .....
Trích TK số: ..... của: .....
Mã số thuế: ..... Địa chỉ: .....
.....
Nộp vào KBNN: ..... Tỉnh, TP: .....
Để ghi thu NSNN vào TK ..... hoặc nộp vào TK tạm thu số: .....
Của cơ quan thu: ..... Mã số: .....

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã NDKT	Mã chương	Kỳ thuế	Số tiền
				Tổng cộng	

Tổng số tiền ghi bằng chữ: .....
.....

PHẦN KBNN GHI:

Mã ĐBHC: ..... Nợ TK: .....
Mã nguồn NSNN: ..... Có TK: .....

NGÂN HÀNG A
Ngày..... tháng..... năm.....
Kế toán **Kế toán trưởng**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU
Ngày.....tháng.....năm.....
(ký tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG B
Ngày ... tháng ... năm .....
Kế toán **Kế toán trưởng**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày.....tháng.....năm.....
Kế toán **Kế toán trưởng**

Không ghi vào khu vực này	**NGÂN HÀNG NƠI KBNN MỞ TÀI KHOẢN**	**Mẫu số: C1-06/NS** [23] *(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)* Số:……..

BẢNG KÊ GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Dùng cho ngân hàng nơi KBNN mở tài khoản)

Ngày: ……/……/…… Nợ TK: ……..
Mã quỹ: …… Có TK: ……
Mã KBNN: ……
Tên KBNN: ……

Loại tiền: ……

STT	Giấy nộp tiền					Mã cơ quan thu	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Số tiền
	Số tham chiếu	Số chứng từ	Ngày CT	Ngày nộp thuế	Tên người nộp					
I. Phát sinh sau giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm trước										
Tổng cộng										**(I)**
II. Phát sinh đến giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm nay										
Tổng cộng										**(II)**
III. Tổng số tiền										**(I+II)**

Tổng số tiền ghi bằng chữ

……

NGÂN HÀNG	**KHO BẠC NHÀ NƯỚC**
Ngày ... tháng ... năm ...	Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán **Kế toán trưởng**	**Kế toán** **Kế toán trưởng**

[23] Mẫu này thay thế mẫu Bảng kê giấy nộp tiền vào NSNN (mẫu số C1-06/NS) ban hành kèm theo Thông tư số 328/2016/TT-BTC theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC ... ĐIỂM GIAO DỊCH SỐ ...
NGÂN HÀNG NƠI KBNN MỞ TÀI KHOẢN.....
CƠ QUAN THU

Mẫu số: 02/BKTP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ THU TIỀN PHẠT

Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...

Cơ quan ra Quyết định: .....

Loại hình thu:.....

STT	Họ và tên người nộp tiền	Địa chỉ	Quyết định phạt/Mã định danh hồ sơ ID[24]		Chứng từ thu		Ngày nộp	Số tiền		
			Số QĐ	*Ngày QĐ*	*Ký hiệu chứng từ*	*Số chứng từ*		Tiền phạt	Tiền chậm nộp phạt	Tổng số
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11) = (9)+(10)*
Tổng tiền loại hình:										

Bằng chữ:.....

....., Ngày.... tháng.... năm 20...
Kế toán **Kế toán trưởng**

Ghi chú: Mỗi cơ quan ra quyết định và loại hình thu có một mã chương, tiểu mục duy nhất.

---

[24] Cụm từ "Quyết định phạt" được thay thế bằng cụm từ "Quyết định phạt/mã định danh hồ sơ ID" theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Không ghi vào khu vực này

CƠ QUAN THU (KBNN)..
NGÂN HÀNG NƠI KBNN MỞ TÀI KHOẢN..

Mẫu số: 02/BK-BLT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 328/2016/TT- BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính)

Số: .....
Ngày .....

BẢNG KÊ BIÊN LAI THU

(Dùng cho cơ quan thu, điểm giao dịch của KBNN/hoặc ngân hàng nhận ủy nhiệm thu)

Mã chương:.....

STT	Biên lai thu		Họ tên người nộp tiền	Số tiền (đồng)				
	Số	Ngày		Tổng số	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...
			Tổng cộng					

Tổng số tiền ghi bằng chữ: .....

.....

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Không ghi vào khu vực này

CƠ QUAN THU (KBNN).....

Mẫu số: 03/BK-BLMG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 328/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính)
Số: .....
Ngày .....

BẢNG KÊ BIÊN LAI THU CÓ MỆNH GIÁ

(Dùng cho cơ quan thu, điểm giao dịch của KBNN)

Mã chương:.....

STT	Loại mệnh giá	Số tờ	Tổng số tiền	Trong đó				
				T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...	T.Mục...
Tổng cộng								

Tổng số tiền ghi bằng chữ: .....

.....

Người lập bảng kê

(Ký, ghi rõ họ, tên)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC……..
NGÂN HÀNG NƠI KBNN MỞ TÀI KHOẢN ……..

Mẫu số 04/BKTP, LP, TP [25]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2021/TT-BTC ngày 17/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ THU PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Ngày:……/…../…….

Mã KBNN: ……..Tên KBNN: ……

STT	Chứng từ thu		Mã số phí, lệ phí/Loại hình thu phạt	Nội dung phạt/Tên loại phí, lệ phí	Ngày nộp	Mã định danh hồ sơ (ID)	Tên người nộp	Theo Quyết định/Thông báo		Cơ quan ra quyết định xử phạt/ Tổ chức thu phí, lệ phí (*)	Số tiền		
	Số seri	Số biên lai/Số chứng từ						Số QĐ/TB	Ngày QĐ/TB		Tiền phí, lệ phí, tiền phạt	Tiền chậm nộp phạt	Tổng số tiền
											(1)	*(2)*	*(3)=(1)+(2)*
I. Phát sinh sau giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm trước													
Tổng cộng											**(I)**	**(I)**	**(I)**
II. Phát sinh đến giờ "cut off time" của ngày làm việc hôm nay													
Tổng cộng											**(II)**	**(II)**	**(II)**
III. Tổng số tiền											**(I+II)**	**(I+II)**	**(I+II)**

Tổng số tiền ghi bằng chữ (3): ……

NGÂN HÀNG
…., ngày…. tháng…. năm ……..
Kế toán **Kế toán trưởng**

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
……., ngày…. tháng…. năm ……
Kế toán **Kế toán trưởng**

Ghi chú: *(*): Tổ chức thu phí, lệ phí lấy theo thông tin Đơn vị nhận tiền trên Biên lai thu mẫu số 03c ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP*

[25] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 72/2021/TT-BTC, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2021.